



**Công ty TNHH Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
109/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
218/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 4 năm 2009
411/QĐ-UBCK	ngày 10 tháng 7 năm 2009
65/QĐ-UBCK	ngày 28 tháng 1 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 4 năm 2011
35/GPĐC-UBCK	ngày 12 tháng 8 năm 2013
17/GPĐC-UBCK	ngày 15 tháng 4 năm 2015
421/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 5 năm 2015
121/GP-UBCK	ngày 8 tháng 1 năm 2016
09/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 4 năm 2016
12/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 5 năm 2016
05/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 2 năm 2017
444/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 5 năm 2017
24/GPĐC-UBCK	ngày 15 tháng 6 năm 2017
25/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 10 năm 2017
43/QĐ-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
75/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 9 năm 2018
941/GPĐC-UBCK	ngày 31 tháng 10 năm 2018
1080/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2018
1081/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy
Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Seol Kyung Suk	Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Ông Min Kyung Jin	Chủ tịch (đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên
Ông Han Won Dong	Thành viên (từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Ông Shin Dong Min	Thành viên (đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Youman Kim	Trưởng ban (từ ngày 3 tháng 8 năm 2018)
Ông Ahn Jong Hoon	Trưởng ban (đến ngày 3 tháng 8 năm 2018)
Bà Dương Tuyết Mai	Thành viên (từ ngày 3 tháng 8 năm 2018)
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên (đến ngày 3 tháng 8 năm 2018)
Ông Nghiêm Thông	Thành viên (đến ngày 3 tháng 8 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien
3C Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội Tầng 3, Tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Tầng 7, Tòa nhà Saigon Royal
91 Pasteur
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Vũng Tàu Tầng 7, 102A Lê Hồng Phong
Phường 4, Thành phố Vũng Tàu
Việt Nam

Chi nhánh Thăng Long Tòa nhà Gelex
52 Lê Đại Hành
Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng Tòa nhà Vĩnh Trung Plaza
225-227 Hùng Vương
Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Nhà đầu tư Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00384-19-1




Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		6.106.963.281.762	2.400.901.621.113
I	Tài sản tài chính (“TSTC”)		6.101.063.201.071	2.399.486.765.171
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		80.432.110.541	40.266.170.795
1.1	Tiền		432.110.541	766.170.795
1.2	Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	39.500.000.000
2	Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)		70.657.838.048	208.548.880.705
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.222.500.000.000	1.027.000.000.000
4	Các khoản cho vay		3.582.895.595.544	1.072.518.370.780
5	TSTC sẵn sàng để bán		70.062.904.000	15.848.204.000
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính		(5.858.102.914)	(5.858.102.914)
7	Các khoản phải thu		73.696.561.241	39.794.737.252
7.1	Phải thu từ bán tài sản tài chính		3.096.972.000	134.224.200
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC		70.599.589.241	39.660.513.052
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.489.607.983	127.364.500
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		1.276.211.410	560.808.208
10	Các khoản phải thu khác		910.475.218	680.331.845
II	Tài sản ngắn hạn khác		5.900.080.691	1.414.855.942
1	Tạm ứng		39.646.681	162.699.101
2	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.858.234.010	1.219.190.118
3	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		2.200.000	2.200.000
4	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	30.766.723

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		640.495.543.389	115.295.084.516
I Tài sản tài chính dài hạn	210		590.572.618.000	91.572.618.000
1 Các khoản đầu tư	212		590.572.618.000	91.572.618.000
1.1 Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	590.000.000.000	91.000.000.000
1.2 Đầu tư dài hạn khác	212.4	7(e)	572.618.000	572.618.000
II Tài sản cố định	220		8.907.443.416	7.223.804.556
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.956.657.713	5.959.611.205
Nguyên giá	222		19.410.916.997	15.475.689.597
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(11.454.259.284)	(9.516.078.392)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	950.785.703	1.264.193.351
Nguyên giá	228		9.296.422.561	9.296.422.561
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(8.345.636.858)	(8.032.229.210)
III Xây dựng cơ bản dở dang	240	13	4.790.100.000	-
IV Tài sản dài hạn khác	250		36.225.381.973	16.498.661.960
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		5.014.731.921	2.626.294.000
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	16.018.472.393	11.032.061.370
3 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	14(a)	5.190.764.818	2.840.306.590
4 Tài sản dài hạn khác	255	14(b)	10.001.412.841	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.747.458.825.151	2.516.196.705.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)		2.141.904.825.567	410.052.673.697
I	Nợ phải trả ngắn hạn		2.080.594.130.005	401.501.185.356
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		1.798.360.000.000	373.965.000.000
1.1	<i>Vay ngắn hạn</i>		<i>1.798.360.000.000</i>	<i>373.965.000.000</i>
2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn		220.000.000.000	-
3	Phải trả người bán		1.779.180.000	520.620.499
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		22.600.996.630	9.598.120.364
5	Chi phí phải trả		37.140.633.533	14.858.444.379
6	Doanh thu chưa thực hiện		323.909.090	303.000.000
7	Các khoản phải trả khác		389.410.752	2.256.000.114
II	Nợ phải trả dài hạn		61.310.695.562	8.551.488.341
1	Trái phiếu phát hành dài hạn		50.000.000.000	-
2	Dự phòng phải trả dài hạn		35.376.242	35.376.242
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		11.275.319.320	8.516.112.099
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		4.605.553.999.584	2.106.144.031.932
I	Vốn chủ sở hữu		4.605.553.999.584	2.106.144.031.932
1	Vốn góp		4.300.000.000.000	2.000.000.000.000
1.1	<i>Vốn góp</i>		<i>4.300.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000.000</i>
2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		5.331.227.685	5.331.227.685
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		15.246.209.674	5.275.711.292
4	Quỹ dự phòng tài chính		15.246.209.674	5.275.711.292
5	Lợi nhuận chưa phân phối		269.730.352.551	90.261.381.663
5.1	<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>		<i>261.467.026.377</i>	<i>38.796.817.976</i>
5.2	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>		<i>8.263.326.174</i>	<i>51.464.563.687</i>
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)			6.747.458.825.151	2.516.196.705.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	27.432.840.000	60.492.970.000
2 TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	1.660.000	1.660.000
3 TSTC chưa lưu ký tại VSD	012	20.116.080.000	4.170.580.000
4 TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	10.000	60.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	6.775.059.700.000	4.022.526.740.000
<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>6.389.585.500.000</i>	<i>3.869.828.740.000</i>
<i>b. TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>2.502.170.000</i>	<i>470.000.000</i>
<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>	<i>241.712.930.000</i>	<i>19.000.000.000</i>
<i>d. TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>	<i>141.259.100.000</i>	<i>133.228.000.000</i>
2 TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	7.999.230.000	21.234.650.000
<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>7.999.230.000</i>	<i>18.106.750.000</i>
<i>b. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>022.2</i>	-	<i>3.127.900.000</i>
3 TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	5.985.910.000	16.627.710.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)


Mẫu B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Mã số	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
5 Tiền gửi của khách hàng	026	402.158.106.996	257.686.229.391
5.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	117.646.824.396	115.791.004.391
5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	284.511.282.600	141.895.225.000
6 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	402.158.106.996	257.686.229.391
6.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	345.765.104.890	169.315.753.575
6.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	56.393.002.106	88.370.475.816

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01		77.248.585.070	52.057.827.838
<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.1	21(a)	73.093.627.484	12.025.560.677
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.2	21(b)	3.265.885.414	37.249.332.811
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.3	21(c)	889.072.172	2.782.934.350
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02	21(c)	137.694.713.393	63.785.260.672
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	21(c)	210.919.551.254	63.296.276.787
1.4 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)	04		1.594.550.000	1.166.262.315
<i>a. Lãi bán các TSTC sẵn sàng để bán</i>		21(a)	-	1.166.262.315
<i>b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC sẵn sàng để bán</i>		21(c)	1.594.550.000	-
1.5 Doanh thu môi giới chứng khoán	06	21(d)	128.462.909.238	48.772.934.400
1.6 Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	08	21(d)	781.725.424	4.065.025.758
1.7 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09	21(d)	2.449.905.198	1.338.164.771
1.8 Thu nhập hoạt động khác	11	21(d)	1.762.811.259	7.875.126
Cộng doanh thu hoạt động	20		560.914.750.836	234.489.627.667
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		68.279.542.952	1.377.024.169
<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.1	21(a)	21.812.420.025	354.421.296
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.2	21(b)	46.467.122.927	1.022.602.873
2.2 Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay	24	22	68.724.185.931	2.235.243.068
2.3 Chi phí môi giới chứng khoán	27	23	124.038.985.648	55.104.683.639
2.4 Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	29		9.754.000	-
2.5 Chi phí lưu ký chứng khoán	30		3.063.190.111	1.593.217.095
Cộng chi phí hoạt động	40		264.115.658.642	60.310.167.971
III DOANH THU TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		22.284	-
3.2 Lãi tiền gửi không kỳ hạn	42		6.389.146	796.434.783
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		6.411.430	796.434.783

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		5.580.798.394	730.000.000
Cộng chi phí tài chính	60	24	5.580.798.394	730.000.000
V CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	25	39.948.474.471	27.842.265.532
VI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		251.276.230.759	146.403.628.947
VII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71		652.893.742	-
7.2 Chi phí khác	72		3.606.349	5.745.090
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		649.287.393	(5.745.090)
VIII TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		251.925.518.152	146.397.883.857
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		295.126.755.665	110.171.153.919
8.2 (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(43.201.237.513)	36.226.729.938
IX CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		52.515.550.500	26.547.910.527
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	26	49.756.343.279	17.313.059.219
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	26	2.759.207.221	9.234.851.308
X LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		199.409.967.652	119.849.973.330
XI THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	5.331.227.685
11.1 Lãi từ đánh giá lại các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	301	21(b)	-	5.331.227.685
XII TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 200 + 300)	400		199.409.967.652	125.181.201.015

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	251.925.518.152	146.397.883.857
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	33.504.607.757	(26.690.269.367)
Khấu hao và phân bổ	03	2.251.588.540	1.062.453.675
Các khoản dự phòng	04	-	(3.755.725.042)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	2.425.000.000	730.000.000
Chi phí lãi	06	60.130.440.406	5.990.968.110
Dự thu tiền lãi	08	(31.302.421.189)	(30.717.966.110)
3 Chi phí phi tiền tệ	10	46.467.122.927	1.022.602.873
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	46.467.122.927	1.022.602.873
4 Doanh thu phi tiền tệ	18	(3.265.885.414)	(37.249.332.811)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(3.265.885.414)	(37.249.332.811)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	328.631.363.422	83.480.884.552
Giảm/(tăng) các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	94.689.805.144	(122.067.859.186)
Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	(1.694.500.000.000)	(901.700.000.000)
Tăng các khoản cho vay	33	(2.510.377.224.764)	(799.177.037.351)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(54.214.700.000)	(8.048.204.000)
Giảm/(tăng) phải thu từ bán tài sản tài chính	35	363.345.000	(134.224.200)
Tăng cổ tức và tiền lãi phải thu	36	(2.962.747.800)	(363.345.000)
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(715.403.202)	(410.330.029)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	(4.592.386.856)	400.320.146
Giảm các tài sản khác	40	(14.586.489.847)	(1.782.190.429)
Tăng chi phí phải trả	41	5.197.498.942	11.666.446.918
Tăng chi phí trả trước	42	(9.625.454.915)	(8.956.444.120)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(37.653.050.450)	(10.622.160.835)
Tiền lãi đã trả	44	(43.045.750.194)	(5.224.298.963)
Tăng phải trả cho người bán	45	1.258.559.501	520.620.499
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	899.583.437	1.539.803.897
Giảm phải trả người lao động	48	-	(18.164.000)
(Tăng)/giảm phải trả khác	51	(1.845.680.272)	2.170.595.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(3.943.078.732.854)	(1.758.725.586.519)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(8.725.327.400)	(5.218.642.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(8.725.327.400)	(5.218.642.651)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ góp vốn	71	2.300.000.000.000	1.300.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	10.476.942.100.000	3.613.903.080.279
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(8.784.972.100.000)	(3.261.968.080.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	3.991.970.000.000	1.651.935.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	40.165.939.746	(112.009.229.170)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	40.266.170.795	152.275.399.965
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	80.432.110.541	40.266.170.795
▪ Tiền	103.1	432.110.541	766.170.795
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	80.000.000.000	39.500.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

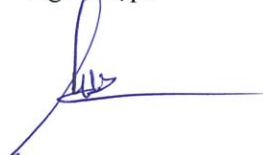
Mẫu B03b – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2018 VND	2017 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	31.559.241.901.663	10.770.738.225.715
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(34.024.373.927.210)	(13.412.888.699.314)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	10.747.132.442.881	2.855.454.105.773
Chi trả thanh toán giao dịch của khách hàng	08	(8.137.528.539.729)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	144.471.877.605	213.303.632.174
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	257.686.229.391	44.382.597.217
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	402.158.106.996	257.686.229.391
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	402.158.106.996	257.686.229.391
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	117.646.824.396	115.791.004.391
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	284.511.282.600	141.895.225.000

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B04 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2017	1/1/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp	700.000.000.000	2.000.000.000.000	1.300.000.000.000	2.300.000.000.000	2.000.000.000.000	4.300.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	11.875.117	5.275.711.292	5.263.836.175	9.970.498.382	5.275.711.292	15.246.209.674
Quỹ dự phòng tài chính	11.875.117	5.275.711.292	5.263.836.175	9.970.498.382	5.275.711.292	15.246.209.674
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	(19.060.919.317)	90.261.381.663	109.322.300.980	179.468.970.888	90.261.381.663	269.730.352.551
(Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện	(34.298.753.066)	38.796.817.976	73.095.571.042	222.670.208.401	38.796.817.976	261.467.026.377
Lợi nhuận chưa thực hiện	15.023.320.604	52.272.653.415	37.249.332.811	3.265.885.414	52.272.653.415	55.538.538.829
Lỗ chưa thực hiện	214.513.145	(808.089.728)	(1.022.602.873)	(46.467.122.927)	(808.089.728)	(47.275.212.655)
Tổng cộng	680.962.830.917	2.100.812.804.247	1.419.849.973.330	2.499.409.967.652	2.100.812.804.247	4.600.222.771.899
Thu nhập toàn diện khác						
Lãi từ đánh giá lại đầu tư sẵn sàng để bán	-	5.331.227.685	5.331.227.685	-	5.331.227.685	5.331.227.685
Tổng thu nhập toàn diện	680.962.830.917	2.106.144.031.932	1.425.181.201.015	2.499.409.967.652	2.106.144.031.932	4.605.553.999.584


Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người soát xét:



Bà Nguyễn Hồng Quyền
Kế toán viên



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 1081/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 12 năm 2018 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có các chi nhánh như sau:

- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)-Chi nhánh Hà Nội-theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 444/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 05 năm 2017.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh-theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 01 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)-Chi nhánh Vũng Tàu-theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 941/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 10 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)-Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng-theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1080/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 12 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)-Chi nhánh Thăng Long-theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1081/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 12 năm 2018.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn đã góp của Công ty là 4.300 tỷ VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018 là 2.000 tỷ VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, công ty có 110 nhân viên (1/1/2018: 64 nhân viên).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán được đo lường theo giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả trong Thuyết minh 3(d). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày báo cáo.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(g).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Dự phòng tài sản tài chính

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lỗ do thay đổi giá trị hợp lý được xác định tại Thuyết minh 3(d) được ghi nhận khoản lỗ do suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay và phải thu, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(f).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Đối với các TSTC sẵn sàng để bán, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Các khoản lỗ do suy giảm tài sản tài chính, chi phí dự phòng giảm giá đầu tư và chi phí dự phòng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng giảm giá được hoàn nhập nếu giá thị trường chứng khoán tăng lên. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ nếu khoản dự phòng không được ghi nhận.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Một TSTC được ghi nhận theo FVTPL nếu:

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc khớp với giá trên thị trường chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

Vào cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý được xác định bằng các kỹ thuật định giá trong trường hợp không có giá thị trường.

Giá thị trường được xác định như sau:

Đối với các TSTC niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các TSTC đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các TSTC chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”), giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày gần nhất với ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(f) Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng.

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(g) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là tài sản tài chính phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- TSTC ghi nhận theo FVTPL;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Vào cuối kỳ kế toán năm, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý, cách xác định giá trị hợp lý được trình bày tại Thuyết minh 3(d). Thay đổi về giá trị hợp lý của TSTC được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trong vốn chủ sở hữu. Khoản lỗ lũy kế sẽ được ghi nhận là chi phí ngay lập tức khi có bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị. Khi dừng ghi nhận một TSTC sẵn sàng để bán, số dư lãi hoặc lỗ đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| ▪ phương tiện vận tải | 4 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 - 5 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Thẻ thành viên câu lạc bộ gôn

Thẻ thành viên câu lạc bộ gôn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống, công cụ và dụng cụ. Chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm. Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết Minh 3(c), 3(d), 3(e), 3(f) và 3(g). Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.



Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu từ vận đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(p) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	80.426.807.541	40.259.270.295
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	2.222.500.000.000	1.027.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	3.582.895.595.544	1.072.518.370.780
Các khoản phải thu (ii)	73.696.561.241	39.794.737.252
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	1.276.211.410	560.808.208
Các khoản phải thu khác (ii)	910.475.218	680.331.845
Tạm ứng	39.646.681	162.699.101
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	2.200.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (i)	590.000.000.000	91.000.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	5.014.731.921	2.626.294.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ	15.192.177.659	2.840.306.590
	6.571.954.407.215	2.277.445.018.071

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện tín dụng chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến các khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Chi tiết phân loại tín dụng của các tài sản tài chính có rủi ro tín dụng như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Quá hạn và bị tổn thất	5.858.102.914	6.015.606.914
Không quá hạn và không bị tổn thất	3.652.920.740.499	1.107.538.641.171
	<hr/>	
	3.658.778.843.413	1.113.554.248.085
	<hr/>	

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị quá hạn và bị tổn thất:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết tại		
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	-	150.000.000
	<hr/>	

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Vay ngắn hạn	1.798.360.000.000	1.816.533.220.179	1.816.533.220.179	-
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	220.000.000.000	220.000.000.000	220.000.000.000	-
Chi phí phải trả	37.140.633.533	37.140.633.533	37.140.633.533	-
Các khoản phải trả khác	389.410.752	389.410.752	389.410.752	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
	2.105.890.044.285	2.124.063.264.464	2.074.063.264.464	50.000.000.000

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	373.965.000.000	379.924.547.426	379.924.547.426
Phải trả người bán	520.620.499	520.620.499	520.620.499
Chi phí phải trả	14.858.444.379	14.858.444.379	14.858.444.379
Các khoản phải trả khác	2.256.000.114	2.256.000.114	2.256.000.114
	391.600.064.992	397.559.612.418	397.559.612.418

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với người cho vay hiện tại.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”). Tuy nhiên, Công ty sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa biến động tỷ giá bao gồm hợp đồng hoán đổi lãi suất và hợp đồng kỳ hạn tiền tệ. Công ty đã cố định tỷ giá cho các khoản vay phải trả thông qua việc sử dụng các công cụ này.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2018		1/1/2018	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	50.000.000	1.142.100.000.000	15.000.000	341.025.000.000

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2018	1/1/2018
USD/VND	22.842	22.735

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	80.426.807.541	40.259.270.295
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	2.222.500.000.000	1.027.000.000.000
Các khoản cho vay – thuần	3.577.037.492.630	1.066.660.267.866
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	590.000.000.000	91.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ	15.192.177.659	2.840.306.590
Vay ngắn hạn	(1.798.360.000.000)	(373.965.000.000)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	(220.000.000.000)	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	(50.000.000.000)	-

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Việt Nam. Ước tính tốt nhất đối với ảnh hưởng đến TSTC và lợi nhuận trước thuế khi có sự thay đổi về chỉ số vốn chủ sở hữu, với tất cả các biến số khác không thay đổi như sau:

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 1/1/2018	
	Thay đổi chỉ số	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần sau thuế VND	Thay đổi chỉ số	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần sau thuế VND
Chỉ số thị trường	%		%	
VN Index - Tăng	9	5.087.364.339	9	15.015.519.411
VN Index - Giảm	(9)	(5.087.364.339)	(9)	(15.015.519.411)

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty, sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư khác chủ yếu liên quan đến đầu tư vào chứng khoán vốn tư nhân tại Việt Nam. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	70.657.838.048	70.657.838.048	208.548.880.705	208.548.880.705
- Có phiếu niêm yết	70.657.838.048	70.657.704.668	208.548.880.705	208.548.747.325
- Có phiếu chưa niêm yết	133.380	133.380	133.380	133.380
	70.662.904.000	70.062.904.000	15.848.204.000	15.848.204.000
<i>Được phân loại là TSTC sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Có phiếu chưa niêm yết				
	80.432.110.541	80.432.110.541	40.259.270.295	40.259.270.295
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.222.500.000.000	(*)	1.027.000.000.000	(*)
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	3.577.037.492.630	(*)	1.066.660.267.866	(*)
▪ Các khoản cho vay – thuần	73.696.561.241	(*)	39.794.737.252	(*)
▪ Các khoản phải thu	1.276.211.410	(*)	560.808.208	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	910.475.218	(*)	680.331.845	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	39.646.681	(*)	162.699.101	(*)
▪ Tạm ứng	2.200.000	(*)	2.200.000	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	590.000.000.000	(*)	91.000.000.000	(*)
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	5.014.731.921	(*)	2.626.294.000	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	15.192.177.659	(*)	2.840.306.590	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ				

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	1.798.360.000.000	(*)	373.965.000.000	(*)
▪ Trái phiếu phát hành ngắn hạn	220.000.000.000	(*)	-	(*)
▪ Phải trả người bán	1.779.180.000	(*)	520.620.499	(*)
▪ Chi phí phải trả	37.140.633.533	(*)	14.858.444.379	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	389.410.752	(*)	2.256.000.114	(*)
▪ Trái phiếu phát hành dài hạn	50.000.000.000	(*)	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	5.303.000	6.900.500
Tiền gửi ngân hàng phục vụ hoạt động của Công ty	412.635.677	371.476.120
Tiền gửi ngân hàng phục vụ giao dịch chứng khoán	14.171.864	387.794.175
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	39.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	80.432.110.541	40.266.170.795
	<hr/>	<hr/>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 80 tỷ VND (1/1/2018: 27 tỷ VND) được cầm cố cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2018		2017	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	15.113.358	533.826.755.243	6.734.041	213.735.932.201
Trái phiếu	49.148.000	5.169.834.052.000	3.984.000	421.493.081.800
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	3.099.428.333	77.939.778.496.545	1.484.771.732	28.121.775.291.200
Trái phiếu	39.574.000	4.165.650.451.000	43.442.000	4.636.654.689.800
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	3.203.263.691	87.809.089.754.788	1.538.931.773	33.393.658.995.001
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết				
ACV	1.914.220.952	2.088.000.000	-	-
BVH	3.056.239.246	3.770.218.000	9.052.900.159	9.836.922.600
DXG	3.642.337.985	3.451.928.200	101.457	172.400
GMD	4.263.430.790	3.805.400.300	74.790	80.300
HPG	3.550.928.845	3.703.415.100	2.869.584.857	3.517.123.200
MSN	1.643.785.714	1.550.000.000	6.923.364.699	8.749.169.000
POW	25.138.628.456	27.440.000.000	-	-
PPC	2.212.752.865	2.172.036.200	32.865	45.500
QNS	2.029.980.000	1.994.440.000	-	-
VCB	7.816.682.067	7.759.212.000	9.428.015.620	12.338.697.600
VNM	7.071.524.995	12.888.480.000	19.133.315.695	50.554.418.600
Other	53.866.579	34.574.868	109.676.793.496	123.552.118.125
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Khác	133.380	133.380	133.380	133.380
	62.394.511.874	70.657.838.048	157.084.317.018	208.548.880.705

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	-	(*)	837.000.000.000	(*)
Chứng chỉ tiền gửi (i)	2.222.500.000.000	(*)	190.000.000.000	(*)
	2.222.500.000.000	(*)	1.027.000.000.000	(*)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm (ii)	590.000.000.000	(*)	91.000.000.000	(*)
	2.812.500.000.000	(*)	1.118.000.000.000	(*)

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 1 năm có lãi suất từ 8,20% đến 8,50% một năm (1/1/2018: 8,00% một năm).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm có lãi suất dao động từ 7,00% đến 8,80% một năm (1/1/2018: từ 7,55% đến 7,60% một năm).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 1.000 tỷ VND (1/1/2018: 159 tỷ VND) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Các khoản cho vay**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	3.420.900.249.873	(*)	976.561.254.734	(*)
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	161.995.345.671	(*)	95.957.116.046	(*)
	3.582.895.595.544	(*)	1.072.518.370.780	(*)

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,028% đến 0,039% (1/1/2018: từ 0,028% đến 0,039% một ngày). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì lần lượt là 50% và 40%.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất ngày từ 0,033% (1/1/2018: 0,033% một ngày) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày.

(d) TSTC sẵn sàng để bán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (i)	10.516.976.315	15.848.204.000	10.516.976.315	15.848.204.000
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (ii)	54.214.700.000	54.214.700.000	-	-
	64.731.676.315	70.062.904.000	10.516.976.315	15.848.204.000

- (i) Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam ("SMV") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 2300323118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19 tháng 2 năm 2008. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 2,87% vốn chủ sở hữu của SMV (1/1/2018: 2,87%).
- (ii) Công ty Cổ phần Tôn Đông Á Việt Nam ("TDA") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất thép cán nguội, tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 1,80% vốn chủ sở hữu của TDA (1/1/2018: không có).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(e) Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (i)	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)

(i) Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam ("Mirae Asset Realty"), một bên liên quan, là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000515 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để trình bày trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại không có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

	Giá gốc tại ngày 31/12/2018 VND	Số đầu năm tại ngày 1/1/2018 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND	Dự phòng hoàn nhập trong năm VND	Dự phòng sử dụng trong năm VND	Số cuối năm tại ngày 31/12/2018 VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	5.858.102.914	5.858.102.914	-	-	-	5.858.102.914
2017	Giá gốc tại ngày 31/12/2017 VND	Số đầu năm tại ngày 1/1/2017 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND	Dự phòng hoàn nhập trong năm VND	Dự phòng sử dụng trong năm VND	Số cuối năm tại ngày 31/12/2017 VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	6.015.606.914	9.613.827.956	-	(3.755.725.042)	-	5.858.102.914

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản phải thu**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dự thu	70.599.589.241	39.297.168.052
Phải thu từ cổ tức	-	363.345.000
Phải thu từ bán tài sản tài chính	3.096.972.000	134.224.200
	<hr/>	<hr/>
	73.696.561.241	39.794.737.252

10. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	237.727.272	904.145.355
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	242.673.460	101.192.857
Chi phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	3.812.041.712	-
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	1.565.791.566	213.851.906
	<hr/>	<hr/>
	5.858.234.010	1.219.190.118

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống	9.930.423.040	5.986.804.099
Phí thành viên câu lạc bộ golf	925.217.593	956.404.634
Thiết bị văn phòng	5.162.831.760	3.968.852.637
Phí tư vấn	-	120.000.000
	<hr/>	<hr/>
	16.018.472.393	11.032.061.370

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	11.032.061.370	1.921.253.020
Tăng trong năm	9.436.163.763	10.877.569.455
Phân bổ trong năm	(4.449.752.740)	(1.766.761.105)
Số dư cuối năm	16.018.472.393	11.032.061.370

11. Tài sản cố định hữu hình

2018	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	894.800.000	14.580.889.597	15.475.689.597
Tăng trong năm	1.298.900.000	2.636.327.400	3.935.227.400
Số dư cuối năm	2.193.700.000	17.217.216.997	19.410.916.997
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	894.800.000	8.621.278.392	9.516.078.392
Khấu hao trong năm	216.483.338	1.721.697.554	1.938.180.892
Số dư cuối năm	1.111.283.338	10.342.975.946	11.454.259.284
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	5.959.611.205	5.959.611.205
Số dư cuối năm	1.082.416.662	6.874.241.051	7.956.657.713

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2017	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	894.800.000	9.518.111.156	10.412.911.156
Tăng trong năm	-	5.062.778.441	5.062.778.441
Số dư cuối năm	894.800.000	14.580.889.597	15.475.689.597
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	894.800.000	7.836.666.523	8.731.466.523
Khấu hao trong năm	-	784.611.869	784.611.869
Số dư cuối năm	894.800.000	8.621.278.392	9.516.078.392
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	1.681.444.633	1.681.444.633
Số dư cuối năm	-	5.959.611.205	5.959.611.205

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 8.647.350.478 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2018: 7.934.310.478 VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	2018 Phần mềm máy vi tính VND	2017 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	9.296.422.561	8.229.447.240
Tăng trong năm	-	155.864.210
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	911.111.111
Số dư cuối năm	9.296.422.561	9.296.422.561
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	8.032.229.210	7.754.387.404
Khấu hao trong năm	313.407.648	277.841.806
Số dư cuối năm	8.345.636.858	8.032.229.210
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	1.264.193.351	475.059.836
Số dư cuối năm	950.785.703	1.264.193.351

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 7.729.384.240 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2018: 7.729.384.240 VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phần mềm máy vi tính	4.790.100.000	-
Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:		
	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	4.790.100.000	911.111.111
Chuyển sang tài sản cố định	-	(911.111.111)
Số dư cuối năm	4.790.100.000	-

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	2.840.306.590	2.296.415.266
Tiền nộp thêm trong năm	2.187.964.962	412.773.672
Tiền lãi nhận được trong năm	162.493.266	131.117.652
Số dư cuối năm	5.190.764.818	2.840.306.590

(b) Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền nộp Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tiền nộp thêm trong năm	10.000.000.000	-
Tiền lãi nhận được trong năm	1.412.841	-
Số dư cuối năm	10.001.412.841	-

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	Số dư tại ngày 1/1/2018 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Số dư tại ngày 31/12/2018 VND
Vay ngắn hạn	373.965.000.000	10.156.942.100.000	(8.734.972.100.000)	2.425.000.000	1.798.360.000.000
Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn chưa thanh toán như sau:					
			Tiền tệ	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)			USD	1.142.100.000.000	227.350.000.000
Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)			VND	227.000.000.000	-
Ngân hàng Shinhan Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)			VND	45.700.000.000	32.940.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)			VND	110.000.000.000	-
Mirae Assets Securities (HK) Limited – bên liên quan			USD	-	113.675.000.000
Ngân hàng Vietinbank Việt Nam (*)			VND	41.800.000.000	-
Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)			VND	77.000.000.000	-
Ngân Hàng Indovina Việt Nam (*)			VND	77.760.000.000	-
Ngân hàng Techcombank Việt Nam (*)			VND	77.000.000.000	-
				1.798.360.000.000	373.965.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản vay có lãi suất giao động từ 2,14% đến 4,9% một năm (1/1/2018: từ 2,14% đến 5,30% một năm). Các khoản vay này được bảo lãnh bởi công ty mẹ là Mirae Asset Securities (HK) Limited và một công ty liên quan là Công ty Mirae Asset Securities (UK) Limited và được đảm bảo bởi tiền gửi tại chính các ngân hàng cho vay với giá trị ghi sổ là 1.080 tỷ VND (1/1/2018: 186 tỷ VND) (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 7(b)).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn

	Số dư tại ngày 1/1/2018 VND	Phát sinh trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2018 VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	-	220.000.000.000	-	220.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (ii)	-	100.000.000.000	(50.000.000.000)	50.000.000.000
	-	320.000.000.000	(50.000.000.000)	270.000.000.000

(i) Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 11 tháng 4 năm 2018 và ngày 9 tháng 7 năm 2018, Công ty đã phát hành 220 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu không niêm yết, lãi suất 7,90%/năm không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn bảo và lãi một lần khi đáo hạn.

(ii) Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 11 tháng 4 năm 2018, Công ty đã phát hành 100 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu không niêm yết, lãi suất 7,90%/năm không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn hai năm, thanh toán gốc và lãi một lần khi đáo hạn hoặc theo yêu cầu của trái chủ.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế và các khoản phải trả cho và phải thu khác từ Nhà nước

(a) Các khoản phải trả Nhà nước

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	(Đã trả) VND	31/12/2018 VND
Các loại thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.409.637.593	49.756.343.279	(37.653.050.450)	19.512.930.422
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	376.421.054	7.471.302.057	(7.235.351.818)	612.371.293
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.367.762.843	28.380.156.462	(28.177.603.891)	1.570.315.414
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán phái sinh	-	5.894.931	-	5.894.931
Thuế nhà thầu	274.621.584	10.963.250.007	(10.567.207.251)	670.664.340
Các loại phí và lệ phí khác	169.677.290	2.921.882.798	(2.862.739.858)	228.820.230
	9.598.120.364	99.498.829.534	(86.495.953.268)	22.600.996.630
2017	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	(Đã trả) VND	31/12/2017 VND
Các loại thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.031.798.428	(10.622.160.835)	7.409.637.593
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	197.159.685	2.104.687.023	(1.925.425.654)	376.421.054
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	342.526.637	7.010.720.847	(5.985.484.641)	1.367.762.843
Thuế nhà thầu	70.106.239	1.931.474.895	(1.726.959.550)	274.621.584
Các loại phí và lệ phí khác	38.886.313	1.301.444.041	(1.170.653.064)	169.677.290
	648.678.874	30.380.125.234	(21.430.683.744)	9.598.120.364

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế và các khoản phải trả cho và phải thu khác từ Nhà nước (tiếp theo)

(b) Các khoản phải thu khác từ Nhà nước

2018	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Ghi nhận vào chi phí VND	31/12/2018 VND
Các khoản phải thu khác từ Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	30.766.723	3.459.389.362	(3.490.156.085)	-
2017	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Ghi nhận vào chi phí VND	31/12/2017 VND
Các khoản phải thu khác từ Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	31.583.119	-	(816.396)	30.766.723

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí phải trả

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí lương tháng 13 và thưởng	13.500.000.000	8.953.370.737
Chi phí môi giới chứng khoán	2.170.283.993	1.733.377.637
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.420.497.113	1.306.013.810
Chi phí tư vấn	581.745.201	937.700.000
Chi phí lãi	17.851.359.359	766.669.147
Các chi phí khác	1.616.747.867	1.161.313.048
	<hr/>	<hr/>
	37.140.633.533	14.858.444.379
	<hr/>	<hr/>

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	11.275.319.320	8.516.112.099
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2018	
	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	4.300.000.000.000	100%

	Tại ngày 1/1/2018	
	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	2.000.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Mirae Asset Securities (HK) Limited, và công ty mẹ cấp cao nhất, Mirae Asset Capital Company Limited, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Biến động vốn điều lệ trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.000.000.000.000	700.000.000.000
Vốn góp trong năm	2.300.000.000.000	1.300.000.000.000
Số dư cuối năm	4.300.000.000.000	2.000.000.000.000

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê duyệt hồ sơ đăng ký của Công ty để tăng vốn điều lệ. Ngày 10 tháng 9 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 4.300 tỷ VND.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, Công ty đã được góp vốn đủ bởi Mirae Asset Securities (HK) Limited.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

21. Doanh thu hoạt động kinh doanh

(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS

2018	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL						
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
BSR	11.600.226	32.993	382.722.046.703	335.809.988.245	67.976.576.484	(21.812.420.025)
BVH	3.000.000	18.578	55.733.090.000	66.000.000.000	5.070.020.000	(15.336.930.000)
CTG	123.280	87.005	10.725.977.000	7.414.829.914	3.311.147.086	-
GAS	261.800	34.950	9.149.910.000	6.091.865.394	3.058.044.606	-
MSN	98.820	129.190	12.766.533.000	6.690.014.048	6.076.518.952	-
NVL	144.970	84.768	12.288.761.000	9.513.698.984	2.775.062.016	-
PVT	1.760.000	58.788	103.467.025.000	99.183.000.000	7.356.625.000	(3.072.600.000)
STB	569.741	20.059	11.428.332.950	8.542.236.143	2.886.096.807	-
VCB	2.159.310	14.273	30.820.360.500	26.515.631.918	4.837.147.385	(532.418.803)
VNM	259.780	65.608	17.043.673.000	11.193.826.553	5.851.230.223	(1.383.776)
Khác	154.630	170.181	26.315.031.000	12.085.277.820	14.229.753.180	-
	3.067.895	30.309	92.983.353.253	82.579.607.471	12.524.931.229	(2.869.087.446)
Trái phiếu niêm yết	22.554.000	105.264	2.374.114.202.000	2.400.613.111.000	5.117.051.000	-

34.154.226	80.717	2.756.836.248.703	2.736.423.099.245	73.093.627.484	(21.812.420.025)
------------	--------	-------------------	-------------------	----------------	------------------

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS (tiếp theo)

2017	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL						
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
VJC	2.392.913	97.676	233.730.587.907	222.059.448.526	12.025.560.677	(354.421.296)
VNM	338.840	112.410	38.088.898.000	32.274.993.491	5.983.428.808	(172.322.363)
BVH	65.500	131.817	8.634.046.000	4.827.682.114	3.806.363.886	-
Khác	30.800	60.450	1.861.859.000	1.970.067.906	-	(108.208.906)
	1.957.773	94.570	185.145.784.907	182.986.705.015	2.232.969.919	(73.890.027)
Đầu tư sẵn sàng để bán	1.042.930	17.977	18.748.830.000	17.582.567.685	1.166.262.315	-
SMV	42.930	40.737	1.748.830.000	1.082.567.685	666.262.315	-
HDB	1.000.000	17.000	17.000.000.000	16.500.000.000	500.000.000	-
	3.435.843	73.484	252.479.417.907	239.642.016.211	13.191.822.992	(354.421.296)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại cho năm 2018 VND
2018					
TSTC ghi nhận theo FVTPL	62.394.511.874	70.657.838.048	8.263.326.174	51.464.563.687	(43.201.237.513)
Cổ phiếu niêm yết	62.394.511.874	70.657.838.048	8.263.326.174	51.464.563.687	(43.201.237.513)
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					3.265.885.414
- Lỗ từ đánh giá lại					(46.467.122.927)
Đầu tư sẵn sàng để bán	64.731.676.315	70.062.904.000	5.331.227.685	5.331.227.685	-
2017					
TSTC ghi nhận theo FVTPL	157.084.317.018	208.548.880.705	51.464.563.687	15.237.833.749	36.226.729.938
Cổ phiếu niêm yết	157.084.317.018	208.548.880.705	51.464.563.687	15.237.833.749	36.226.729.938
Bao gồm:					
- Lãi từ đánh giá lại					37.249.332.811
- Lỗ từ đánh giá lại					(1.022.602.873)
Đầu tư sẵn sàng để bán - SMV	10.516.976.315	15.848.204.000	5.331.227.685	-	5.331.227.685

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, AFS, giữ đến ngày đáo hạn, các khoản vay và phải thu**

	2018 VND	2017 VND
Từ TSTC giữ đến ngày đáo hạn	137.694.713.393	63.785.260.672
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	137.694.713.393	57.965.260.672
▪ Thu nhập từ cho công ty liên quan vay	-	5.820.000.000
Từ các khoản vay và phải thu	210.919.551.254	63.296.276.787
▪ Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	197.511.185.774	57.114.160.221
▪ Thu nhập từ dịch vụ tạm ứng	13.408.365.480	6.182.116.566
Từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	889.072.172	2.782.934.350
▪ Cổ tức	889.072.172	2.782.934.350
Từ các TSTC sẵn sàng để bán	1.594.550.000	-
▪ Cổ tức	1.594.550.000	-
	351.097.886.819	129.864.471.809

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	128.462.909.238	48.772.934.400
Doanh thu từ tư vấn tài chính	781.725.424	4.065.025.758
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	2.449.905.198	1.338.164.771
Doanh thu từ các hoạt động khác	1.762.811.259	7.875.126
	133.457.351.119	54.184.000.055

22. Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	68.724.185.931	2.235.243.068

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí môi giới chứng khoán**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lương	36.996.619.699	21.405.794.681
Chi phí môi giới	24.106.685.865	9.071.125.936
Chi phí hoa hồng	37.708.930.707	13.284.498.032
Khấu hao tài sản cố định	1.474.617.345	733.795.498
Máy tính và các chi phí liên quan	2.958.919.083	2.176.206.085
Chi phí thuê	7.726.558.395	2.359.270.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.017.156.016	1.910.505.997
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	2.110.176.030	1.505.699.406
Chi phí giao tế	1.596.061.312	528.747.857
Chi phí công tác	797.813.089	379.948.166
Chi phí khác	3.545.448.107	1.749.091.533
	<hr/>	<hr/>
	124.038.985.648	55.104.683.639
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.425.000.000	730.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.155.798.394	-
	<hr/>	<hr/>
	5.580.798.394	730.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

25. Chi phí quản lý

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí lương	24.104.829.829	13.274.307.269
Chi phí dịch vụ chuyên môn	3.081.907.329	6.582.585.620
Chi phí thuê	3.847.659.779	2.879.461.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	999.406.410	881.294.363
Chi phí vận chuyển	495.636.687	659.685.884
Thuế, phí và lệ phí	1.364.939.960	685.145.778
Khấu hao tài sản cố định	776.971.195	328.658.177
Chi phí giải trí	1.760.230.391	731.339.630
Chi phí công tác	796.432.984	281.266.947
Máy tính và các chi phí liên quan	242.897.904	451.389.105
Chi phí văn phòng phẩm	98.658.848	52.164.891
Chi phí khác	2.378.903.155	1.034.966.119
	<hr/>	<hr/>
	39.948.474.471	27.842.265.532
	<hr/>	<hr/>

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện tại		
Năm nay	49.640.348.551	17.313.059.219
Dự phòng thiếu trong những năm trước	115.994.728	-
	<hr/>	<hr/>
	49.756.343.279	17.313.059.219
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	2.759.207.221	9.234.851.308
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	52.515.550.500	26.547.910.527
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	251.925.518.152	146.397.883.857
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	50.385.103.630	29.279.576.771
Thu nhập không bị tính thuế	(830.991.517)	(556.586.870)
Chi phí không được khấu trừ	2.845.443.659	1.805.816.130
Lỗ tính thuế được khấu trừ	-	(3.980.895.504)
Chi phí thuế bổ sung năm trước	115.994.728	-
	<u>52.515.550.500</u>	<u>26.547.910.527</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư được trình bày trong các thuyết minh khác, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Mirae Asset Securities (HK) Limited		
Góp vốn	2.300.000.000.000	1.300.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	-	113.450.000.000
Tiền bảo lãnh cho vay	4.564.500.000	-
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (trước đây gọi là Mirae Asset Securities Co., Ltd)		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	4.190.406.522	3.745.318.254
Mirae Asset Securities (UK) Limited		
Trả chi phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	6.867.000.000	-
Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam)		
Thanh toán khoản vay	-	190.000.000.000
Mua chứng chỉ tiền gửi	320.000.000.000	-
Mirae Asset Global Investment Company		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	3.320.690.171	-
Công ty TNHH Mirae Asset Realty		
Chi trả hộ	641.878.879	368.375.965
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập	2.970.249.167	2.198.944.000

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

28. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	16.519.840.936	10.112.097.280
Từ hai đến năm năm	28.278.764.800	27.571.181.200
	<hr/>	<hr/>
	44.798.605.736	37.683.278.480

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người duyệt:

ÔNG KANG MOON KYUNG
Tổng Giám đốc

